

Bản án số: 194/2020/DS-ST

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giữ.

Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 224/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Ông Phạm Hồng P, sinh năm 1986 (có mặt).

+ Bà Đinh Thị Ngọc L, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đinh Thị Ngọc L là ông Phạm Hồng P, theo Giấy ủy quyền ngày 06/01/2020.

Địa chỉ cư trú: Số 294 Lê Văn Nhung, khóm Bình Long 1, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lương Tường Huy – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV An Gia thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Ông Trương Lâm Trường H, sinh năm 1973 (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Thúy L1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Hòa, xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phạm Hồng P trình bày:

Ông Trương Lâm Trường H và bà Trần Thị Thúy L1 nợ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng và lãi 1.410.000 đồng, nên có vay của vợ chồng ông số tiền 101.410.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, thỏa thuận bằng lời nói. Đến hạn nhưng ông H, bà L1 không trả vốn và cũng không trả lãi. Phương thức nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản do bà Đinh Thị Ngọc L chuyển cho ông Trương Lâm Trường H có chứng từ chuyển khoản ngày 18/02/2019.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà L1 pH trả cho ông, bà 101.410.000 đồng, cùng tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật kể từ ngày 18/02/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm và tiếp tục tính lãi cho đến ngày trả xong toàn bộ vốn, lãi.

Bị đơn ông H, bà L1 vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Trương Lâm Trường H, bà Trần Thị Thúy L1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do, coi như ông H, bà L1 đã từ bỏ quyền của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án có tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hoặc phản tố lại đối với yêu cầu và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là thuộc tình tiết, sự kiện không pH chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy nộp tiền, với nội dung bà Đinh Thị Ngọc L nộp vào tài khoản của ông Trương Lâm Trường H tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam, đã chứng minh được có việc bị đơn vay tiền nguyên đơn, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ là có căn cứ phù hợp quy định. Nguyên đơn cho rằng vay có lãi với lãi suất 2%, nhưng là thỏa thuận bằng lời nói, không có chứng cứ gì khác để chứng minh mức lãi suất mà các bên thỏa thuận, theo quy định pháp luật trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định

rõ lãi suất thì lãi suất bằng 50% lãi suất giới hạn của khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên yêu cầu trả vốn, lãi của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do giao dịch vay tiền là có thật, chứng minh bằng Giấy nộp tiền ngày 18/02/2020 và việc bị đơn từ bỏ quyền theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy nộp tiền ngày 18/02/2019; Biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 20/7/2020...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông H, bà L1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Ông P, bà L cho ông H, bà L1 vay 101.410.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy nộp tiền ngày 18/02/2020.

[2.1] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông H, bà L1 có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Giấy nộp tiền ngày 18/02/2020, nhưng ông H, bà L1 không khiêu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có căn cứ đề

xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp “Giấy nộp tiền ngày 18/02/2019” là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn PH trả nợ và lãi là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp không thể hiện được thỏa thuận của các bên về lãi suất cho vay là 2%/tháng, nguyên đơn cũng thừa nhận lãi suất cho vay là thỏa thuận lời nói. Do đó, không có cơ sở xác định lãi suất giữa các bên thỏa thuận, theo quy định pháp luật nếu các bên có tranh chấp về lãi suất và lãi suất không rõ ràng thì áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, mức lãi suất áp dụng bằng 10%/năm.

Tiền lãi được tính cụ thể là từ ngày 18/02/2019 đến ngày 30/9/2020 là 01 năm 07 tháng 12 ngày, với lãi suất 10%/năm:

$101.410.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 16.394.616 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn, lãi là $101.410.000 \text{ đồng} + 16.394.616 \text{ đồng} = 117.804.616 \text{ đồng}.$

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H, bà L1 PH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền bị buộc trả (117.804.616 đồng) là 5.890.000 đồng.

Với yêu cầu được chấp nhận ông P, bà L được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trương Lâm Trường H, bà Trần Thị Thuý L1 có trách liên trả cho ông Phạm Hồng P, bà Đinh Thị Ngọc L số tiền vốn, lãi tổng cộng là 117.804.616 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong thì tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH trả tiền lãi cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Trương Lâm Trường H, bà Trần Thị Thuý L1 pH chịu 5.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Hồng P, bà Đinh Thị Ngọc L được nhận lại 2.750.000 tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006102 ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giữ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng pH chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi